

Bản án số: 33/2020/HNGĐ - ST.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020

“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐ –HPT ngày 28/5/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D, sinh năm 1994. Nơi ĐKHKTT: Khu S, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ liên hệ: Khu 8, xã P (nay là xã M), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở Singapo. Người được chị D ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng N (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT: Khu S, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (hiện đang làm việc tại Singapo). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1975. Đều có địa chỉ: Khu 8, xã P (nay là xã M), huyện T, tỉnh Phú Thọ. (ông T và bà N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày: Chị và anh T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 23/02/2018 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Từ khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Ngoài ra, còn mâu thuẫn giữa gia

đình chồng và chị đến nay không thể hòa giải được, nay chị xin ly hôn với anh T. Về con chung: vợ chồng có một con chung là Hà Đặng Diệp A, sinh ngày 14/8/2018. Hiện nay cháu A đang ở với chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng không rõ địa chỉ. Người thân của anh T ông Hà Văn C bố đẻ cung cấp như sau: Ông là bố đẻ của anh T, bố chồng chị D. Anh T và chị D kết hôn ngày 23/02/2018, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh T, chị D ở chung nhà ông khoảng hơn một năm, năm 2019 thì anh T, chị D đi Singapo. Quá trình chung sống không có gì mâu thuẫn lớn. Hiện nay anh T đang ở Singapo, thỉnh thoảng anh T có điện thoại bằng zalo cho gia đình, anh T không nói ở đâu. Gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh T biết, anh T nói Tòa án giải quyết thế nào cũng được và không cung cấp địa chỉ cho gia đình. Nay việc ly hôn do các cháu quyết định. Vợ chồng anh T có một con chung hiện nay đang ở với ông T, bà N và do ông T, bà N trực tiếp nuôi dưỡng, phía gia đình tôi không có ý kiến gì. Chị D muốn nuôi con cũng được vì cháu A còn bé. Chị D, anh T không có tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn T trình bày: Ông là bố đẻ của chị D, bố vợ của anh T. Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/02/2018 tại UBND thị trấn L. Quá trình chung sống do chị D và anh T không hiểu nhau, cuộc sống có nhiều va chạm, có đánh chửi nhau, gia đình hai bên khuyên giải nhưng không được. Nay chị D xin ly hôn anh T ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện chị D đang ở Singapo, xuất cảnh từ ngày 01/3/2020, ông không biết địa chỉ cụ thể của chị D ở chỗ nào, khi Tòa án gửi các văn bản về thì vợ chồng ông đã thông báo cho chị D qua điện thoại. Chị D có nghỉ phép từ ngày 19/01/2020, sau đó làm đơn ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, đến ngày 01/3/2020 chị D trở lại Singapo. Hiện nay con chung của chị D và anh T là cháu Hà Đặng Diệp A đang do vợ chồng ông chăm sóc trong thời gian chị D, anh T ở Singapo, quan điểm của ông là xin được tiếp tục chăm sóc cháu A trong thời gian chị D ở nước ngoài đến khi chị D về, chị D sẽ gửi tiền về nuôi dưỡng cháu Anh.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Hiện nay con của chị D và anh T đang ở với vợ chồng bà tại khu 8, xã P, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh T đi lao động ở Singapo ở chỗ nào thì bà không biết, từ khi anh T đi Singapo đến nay không chu cấp gì nuôi con. Nếu sau này chị D đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng bà tự nguyện nuôi cháu A và có nguyện vọng được chăm sóc cháu A đến khi chị D đi xuất khẩu lao động về. Đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị D nuôi dưỡng. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T do hai vợ chồng không hiểu nhau, cuộc sống có nhiều va chạm, có đánh chửi nhau, gia đình khuyên giải nhưng không được. Nay chị D xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã làm việc với chính quyền địa phương, cán bộ dân số, chủ tịch hội phụ nữ thị trấn Lâm Thao và được cung cấp như sau: Chị D và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ ngày 23/02/2018. Quá trình chung sống giữa chị D và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều vấn đề. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là quan điểm không hợp nhau, việc dẫn đến ly hôn do chị D và anh T đang ở nước ngoài thì không nắm được nhưng qua nắm bắt người thân của anh T là ông C, bà N thì ông C, bà N không can ngăn sâu về việc giải quyết ly hôn. Về con chung: Chị D và anh T có một con chung là Hà Đăng Diệp A, sinh ngày 14/8/2018, phía cán bộ dân số, chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ thị trấn L, đại diện chính quyền địa phương đều nhất trí để chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Nhưng chị D không được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 58,82 luật hôn nhân và gia đình 2014, nghị quyết 326/2016/UBTV – QH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị D được ly hôn với anh T; về con chung: Giao cháu Hà Đăng Diệp A, sinh ngày 14/8/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung. Trong thời gian chị D ở nước ngoài tạm giao cháu Hà Đăng Diệp A cho ông Đăng Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng N là ông bà ngoại của cháu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Theo công văn số: 3171/QLXNC – P5 ngày 10/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị Đặng Thị D đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 01/3/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh Hà Văn T đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 13/11/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Vụ án này, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì chị D và anh T không có mặt ở Việt Nam có lý do chính đáng, chị D có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Chị D đề nghị xin ly hôn với anh T và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh T là Khu S, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ mà

không cung cấp được địa chỉ anh T ở nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh T là ông Hà Văn C (bố đẻ anh T) thì nhận thấy giữa ông C và anh T vẫn liên lạc với nhau nhưng ông C không cung cấp được địa chỉ, tin tức anh T nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông C cũng không cung cấp được địa chỉ anh T nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thu tục chung. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét vắng mặt anh T. Đối với chị D đã có bản tự khai trước khi đi nước ngoài đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho ông T, bà N nhận các văn bản tố tụng. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T, bà N theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Hà Văn T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 23/02/2018 tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị D và anh T đã xảy ra mâu thuẫn theo như lời khai của chị D, bố mẹ đẻ chị D và ý kiến một số người làm chứng là đại diện chính quyền địa phương, công chức tư pháp; chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ, cán bộ dân số thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh T có một con chung là Hà Đặng Diệp A, sinh ngày 14/8/2018. Cháu A hiện đang ở với ông T, bà N (Bố, mẹ đẻ chị D) tại Khu 8, xã P (nay là xã M), huyện T, tỉnh Phú Thọ và do ông T, bà N chăm sóc trong thời gian chị D, anh T đang ở nước ngoài. Phía chị D có nguyện vọng được nuôi cháu A và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Hiện nay, chị D và anh T đều đang ở nước ngoài nên về thời gian chăm sóc con chung là không có. Tuy nhiên, trước khi đi nước ngoài chị D có nguyện vọng được nuôi cháu A và có nhờ bố mẹ đẻ là ông T, bà N chăm sóc cháu A trong thời gian chị đi nước ngoài, phía ông T và bà N cũng có quan điểm đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A trong thời gian chị D đi vắng, phía gia đình anh T cũng nhất trí với điều này. Do vậy, cần giao cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cháu là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị D xác định không có, không đề nghị giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D được ly hôn anh Hà Văn T.

[2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hà Đặng Diệp A, sinh ngày 14/8/2018 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

Trong thời gian chị D ở nước ngoài tạm giao cháu Hà Đặng Diệp A cho vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng N, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị D về nước thì vợ chồng ông T, bà N có trách nhiệm giao cháu A lại cho chị D.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004083 ngày 27/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị D và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ-ơng sự;
- UBND thị trấn L;
- L-u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Giang